

Cơ hội lẫn thách thức cho giáo dục Phật giáo sư phạm Châu Âu và Ấn Độ

Chintala Venkata Sivasai (*)

Huyền Thị Thu Mến dịch

Các thách thức đối với giáo dục Phật giáo trong hai mươi thế kỷ đầu:

Như bạn biết, Phật giáo không phải là thể thống nhất hoặc thậm chí không phải là tôn giáo. Người ta có thể tranh luận về nó có thực sự là tôn giáo hay không, nhưng nó vẫn lan truyền từ Ấn Độ đến nhiều người, nhiều quốc gia trên khắp châu Á. Trong mỗi quốc gia, mỗi nền văn minh tiếp xúc, Phật giáo được hiểu và áp dụng song song với nền văn hóa đó. Vì vậy, chúng tôi cũng tìm thấy các cách làm đạo rất khác nhau của Phật giáo châu Á.

(*) Tiến sĩ ChintalaVenkataSivasai, Trợ lý giáo sư, Trường Nghiên cứu Phật giáo và nền văn minh, Đại học Phật Gautam, Greater Noida, Gautam Buddha Nagar, bang Uttar Pradesh, Ấn Độ 201.312, Email: ncym2030@gmail.com

Có ba làn sóng phổ biến của Phật giáo. Một đến khu vực Đông Nam Á, gọi là Phật giáo Nguyên Thủy. Chúng tôi thấy ở Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, và một chút tại Việt Nam (không nhiều). Một làn sóng khác đi qua Trung Á tới Trung Quốc và từ Trung Quốc sang Nhật Bản, Hàn Quốc, xuống đến Việt Nam. Và làn sóng đến phần sau Ấn Độ qua Tây Tạng; từ Tây Tạng đến Mông Cổ, và khắp Trung Á. Các nhóm Mông Cổ khác nhau lại đến Nga, Buryats, Kalmyk và một nhóm gốc Thổ Nhĩ Kỳ - những người Tunisia. Vì vậy, chúng ta có sự đa dạng rộng, khá đơn giản, bởi vì có nhiều làn sóng khác nhau.

Vì vậy, tôi nghĩ trong thế kỷ XXI, Phật giáo có rất nhiều cuộc hội thảo cấp độ toàn cầu, không bị giới hạn bởi nền văn hóa hay bất cứ điều gì khác, vì Phật giáo không bao giờ bị giới hạn. Các lĩnh vực khoa học Phật giáo và triết học Phật giáo, như tôi đã nói, có thể cung cấp phương pháp để phát triển tập trung cũng như phát triển kỷ luật hơn. Làm thế nào phát triển kỷ luật? Bạn phát triển kỷ luật bằng cách nhìn thấy nhiều nhược điểm vô kỷ luật, và nhìn thấy nó thực sự cản trở bạn đi vào kỷ luật như thế nào. Rồi bạn tiếp cận với sự vận động...vv. Ví dụ, tại sao bạn lại muốn thiết lập giới hạn về mức độ thường xuyên bạn nhìn vào tin nhắn văn bản –đại loại việc như vậy? Một số giới hạn phải được đặt ra về loại kỷ luật và kỷ luật đạo đức để có những thứ khác nghiêm túc hơn, không chỉ những người mà bạn có thể can thiệp và điều khiển.

Mục tiêu của giáo dục Phật giáo:

Mục tiêu quan trọng của giáo dục Phật giáo là đạt tuệ giác. Phật giáo tin rằng tuệ giác vốn có trong bản chất của mỗi người, mọi người đều có tiềm năng để đạt tuệ giác. Tuy nhiên, đa số đang bị phân tâm bởi hiểu lầm hoặc quan niệm sai lầm, do đó, không có khả năng nhận thức loại tiềm năng này. Ở đây, Phật giáo nhằm mục đích dạy chúng ta nhận ra một phần nội tại của bản chất con người. Trí tuệ Phật giáo thay đổi mỗi cá nhân có liên quan đến mức độ ảo tưởng; không có sự khác biệt vốn có trong tất cả mọi người. Phật giáo giúp chúng ta loại bỏ ảo tưởng và lấy lại sự sáng suốt để loại bỏ nhầm lẫn về tiềm năng cá nhân. Phật giáo coi tịnh tâm thiền và tập trung là những yếu tố quan trọng để đạt tuệ giác. Đạo Phật dạy cách thiền định và chánh niệm tập trung nhằm có được trạng thái an vui hạnh phúc.

Giá trị kinh nghiệm Phật giáo được đánh giá cao hơn so với lý thuyết. Giáo dục Phật giáo chủ yếu quan tâm đến việc truyền trao kiến thức thực tế. Đức Phật dạy, công cuộc tham vấn cá nhân để chấm dứt đau khổ, con đường phụ thuộc vào kinh nghiệm trực tiếp. Vì vậy, các pháp môn truyền thống của Phật giáo đào tạo từ tâm, tức là chiêm nghiệm và thiền định, có thể được giảng dạy tại các trường học. Quan điểm Phật giáo về bản chất không thể thiếu kinh nghiệm con người, nơi mà trí tuệ và cảm xúc của tâm trí được đánh giá cao không kém, rất phù hợp trong thế giới hiện đại, và rất chi tiết. Vì ý nghĩa trọn vẹn của kinh điển Phật giáo và giáo lý Phật dạy không thể được hiểu trước khi tích lũy kinh nghiệm thực tế nhờ thiền định. Thiền định là một phần không thể thiếu của giáo dục Phật giáo. Trên thực tế, cơ sở giáo dục Phật giáo, nếu không bị làm hỏng bởi các giá trị phương Tây, có thể cũng được xác định là trường đào tạo tinh thần. Tính hữu ích của pháp môn chánh niệm trong việc phát triển “bảy yếu tố giác ngộ” (như hòa bình, niềm vui, tập trung... vv) đã được chứng minh ngay cả bên ngoài bối cảnh giáo dục Phật giáo. Nó cần thiết được tìm thấy để thực hiện một nền giáo dục chuẩn chung.

Sự phát triển tinh thần là chủ đề trung tâm của giáo dục Phật giáo giúp ta phân biệt, chẳng hạn, giữa suy nghĩ, hành động thiện và bất thiện. Đối với thực hành và nội hóa Phật Pháp, phạm trù cảm xúc của học tập và đào tạo là không có câu hỏi về thành phần cần thiết có liên quan đến luồng thông tin hay sự kiện trong Giáo Pháp, mà phải dựa vào kết luận, quyết định và hành động trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Tính cần thiết và hiện đại của Giáo dục Phật giáo:

Mục tiêu cuối cùng của giáo dục Phật giáo là tiêu diệt vô minh, nguyên nhân gốc rễ của đau khổ. Cụ thể, giáo dục ý thức Phật giáo nên tìm cách loại bỏ khỏi tâm trí hành giả một loạt quan điểm sai lầm, tạo thành cơ sở lý thuyết của sự thiếu hiểu biết. Những khái niệm trong sạch chứa đựng nội dung tinh thần bao gồm cái gọi là “sự thiếu hiểu biết quy gán” (parikalpita-Vô minh), trái ngược với “sự thiếu hiểu biết bẩm sinh” (Sahaja-Vô minh). Nó là “khái niệm luận” hoặc “nhiễm tập quán” vô minh. Vô minh bẩm sinh không thể được truy cập nếu không có sự thiếu hiểu biết về khái niệm (hay quan niệm sai lầm), vì vậy đầu tiên phải loại bỏ các “quy gán” vô minh, tức quan điểm sai lầm.

Chất lượng chương trình đào tạo hoặc sự cố gắng để học hỏi cho chính mình, trên thế giới, không phải là điều đáng quan tâm. Hệ thống giáo dục ngày càng trở nên bị chi phối bởi ‘cân nhắc thị trường’; công việc của các viện nghiên cứu được đo bằng sự hài lòng của khách hàng. Ví dụ, các công ty đa quốc gia lớn tài trợ cho các khóa học, nhưng lại đặt ra câu hỏi quan trọng về tính khách quan và giá trị của bằng tốt nghiệp. Học sinh ít quan tâm đến những kỹ năng có được như bằng tốt nghiệp mà họ nhận. Tiên phong và tư duy phê phán, động lực truyền thống trong các cơ sở giáo dục rất phức tạp, mất thời gian và nguy hiểm vì nó thách thức hiện trạng. Có chăng, sự mâu thuẫn giữa mục tiêu cuối cùng của giáo dục Phật giáo, tức là giải thoát khỏi quan niệm sai lầm và mục đích giáo dục phương Tây hiện đại là để tăng cường và bảo đảm, của một người nhằm lẫn bản sắc? Làm thế nào chúng ta có thể giải quyết mâu thuẫn này trong bối cảnh giáo dục Phật giáo hiện đại? Tôi muốn cung cấp bốn cách tiếp cận liên kết để giải quyết tình trạng này:

1. Sự thúc đẩy lưu chuyển học sinh
2. Trình bày Giáo dục chính thức như phương tiện kỹ năng
3. Nhấn mạnh vai trò của thiền định
4. Mở ra chân trời mới trong học tập

Sự thúc đẩy lưu chuyển học sinh

Xã hội hiện đại có thể đặt áp lực lớn đối với sinh viên để đạt một số mục tiêu nhất định trong cuộc sống, chẳng hạn như công việc, địa vị xã hội, nghề nghiệp,...vv. Những kỳ vọng xã hội chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sinh viên, ngay cả khi họ quy hướng và thực sự quan tâm đến Phật pháp. Nhiều người trong số họ sẽ tự hỏi làm thế nào để tích hợp việc học Phật giáo với sự sống còn trong xã hội hiện đại. Mặc dù có những phương tiện khác nhau để giải quyết câu hỏi này, nhưng một khía cạnh quan trọng của giải pháp là để chuyển đổi động lực của sinh viên. Dựa vào những sự thật Phật giáo cơ bản về vô thường, “đau khổ” và lòng vị tha - tâm trí sinh viên được chuyển hướng tới các giá trị cao hơn: hài lòng, giải phóng tinh thần và tốt với người khác - do đó, thay vì cố gắng phù hợp với sự mong đợi của xã hội hiện đại và đạt cái gì đó, họ có thể bắt đầu suy nghĩ về cách họ đóng góp cho hạnh phúc trong xã hội. Mỗi quan tâm chobản thân họ có thể được chuyển đổi thành mối quan tâm cho người khác.

Giáo dục chính thức như phương tiện kỹ năng

Một trong những cách để cân bằng hiện đại hóa giáo dục khi đầu tư cuộc sống là nhấn mạnh sử dụng Phật giáo truyền thống như là phương tiện thiện xảo. Các tổ chức Phật giáo và các hình thức giáo dục có thể xuất hiện phù hợp với thế giới, nhưng chức năng chính của họ là cung cấp cơ hội nghiên cứu Phật pháp, nó vượt ra ngoài thế giới này. Bất kỳ bằng cấp chính thức (ví dụ bằng tốt nghiệp trong nghiên cứu Phật giáo) chỉ đơn thuần là một sản phẩm phụ của nghiên cứu chứ không phải là mục đích tự thân của một người. Thẩm quyền trong các vấn đề liên quan đến Phật Pháp không phụ thuộc vào bất kỳ công nhận chính thức nào, cũng không có bằng tốt nghiệp đạt được trong 3-5 năm bảo lãnh thẩm quyền nghiên cứu chính thức như vậy. Tiến bộ trong các khóa đào tạo cao hơn về đạo đức, sự tập trung và trí tuệ, không thể khách quan đánh giá hoặc đánh giá theo tiêu chuẩn định lượng của giáo dục hiện đại. Khi duy trì sự khiêm nhường với truyền thống Phật giáo, nghiên cứu Phật pháp nên được theo đuổi bằng tinh thần tìm hiểu miễn phí và miễn phí từ khả năng cạnh tranh thường là đặc điểm giáo dục chính thống. Công việc của UNESCO bao gồm phát triển giáo dục từ mầm non cho đến giáo dục đại học, cả giáo dục kỹ thuật, dạy nghề, đào tạo, giáo dục không chính quy và biết chữ. Tổ chức tập trung vào việc tăng vốn chủ sở hữu và tiếp cận, nâng cao chất lượng, đảm bảo giáo dục phát triển kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực phát triển bền vững. Vì vậy thông qua việc nhấn mạnh vai trò của giáo dục Phật giáo như là phương tiện kỹ năng, chúng ta có thể bảo vệ chống lại các sinh viên quá kỳ vọng, và khuyến khích họ sử dụng cơ hội nghiên cứu quý giá một cách tốt nhất trong khả năng của mình.

Tầm quan trọng của thiền định

Trái ngược với giáo dục hiện đại, các giá trị kinh nghiệm đầu tay của Phật giáo cao hơn so với lý thuyết. Giáo dục Phật giáo phải được quan tâm nhiều hơn việc truyền trao kiến thức thế gian. Đức Phật dạy công cuộc vận động cá nhân để chấm dứt đau khổ, và con đường phụ thuộc vào kinh nghiệm trực tiếp. Vì vậy, các phương pháp truyền thống của Phật giáo đào tạo - chiêm niệm, thiền định - có thể được giảng dạy tại các trường học. Quan điểm Phật giáo về bản chất không thể thiếu kinh nghiệm con người, nơi mà các bên hữu trí tuệ và cảm xúc của tâm trí

được đánh giá cao không kém, rất phù hợp với thế giới hiện đại, nó rất chi tiết. Phật giáo trình bày con đường đào tạo và giáo dục không là gì, nhưng nó chính là con đường. Ý nghĩa đầy đủ của kinh điển Phật giáo và giáo lý không hoàn toàn được hiểu nếu không có kinh nghiệm trực tiếp qua thiền định trước đó. Thiền định là một phần không thể thiếu của giáo dục Phật giáo. Trên thực tế, cơ sở giáo dục Phật giáo, nếu không bị làm hỏng bởi các giá trị phương Tây, có thể cũng được xác định là trường đào tạo tinh thần. Tính hữu ích của phương pháp chánh niệm trong việc phát triển “bảy yếu tố của sự giác ngộ” (như hòa bình, niềm vui, tập trung... vv) đã được chứng minh ngay cả bên ngoài bối cảnh của giáo dục Phật giáo. Nó đã được tìm thấy nhằm thực hiện giáo dục chuẩn chung.

Mở ra chân trời mới trong học tập:

Cuối cùng, để khuyến khích sự tham gia tích cực của Phật giáo trong công việc hàng ngày, chúng ta phải mở ra triển vọng mới cho việc học tập. Tham chiếu vấn đề tâm linh từ các trường đại học Phật giáo Ấn Độ nổi tiếng như Nalanda, chúng ta nên cố gắng áp dụng những bài giảng Phật giáo trong tất cả tầng lớp xã hội, kiểm tra sự đúng đắn của nó trong các lĩnh vực khác nhau. Cũng giống như triết học Phật giáo ở Ấn Độ phát triển trong đối thoại thường xuyên với các trường khác về triết học, chúng ta cũng nên đối thoại thường xuyên với khoa học và các tôn giáo khác. Sự khôn ngoan của Phật giáo có thể mang lại triển vọng mới với nhiều vấn đề xã hội, kinh tế và đạo đức mà nhân loại phải đối mặt hôm nay. Hơn nữa, người ta đã chứng minh rằng khái niệm khoa học của nhân quả trong thế giới tự nhiên tương đồng với sự hiểu biết Phật giáo, nó có khả năng làm giàu khoa học tự nhiên với một chiều kích đạo đức. Giáo dục Phật giáo (Waldron) do đó không nên chỉ đơn giản truyền tải kiến thức và phương pháp của quá khứ, mà phải sáng tạo trong việc áp dụng các nguyên lý Phật giáo. Nhiệm vụ chính yếu của các học viện Phật giáo là giữ tinh thần trí tuệ Phật giáo sống mãi và biến nó vì lợi ích của nhân loại. Từ quan điểm này, giáo dục Phật giáo đóng vai trò thiết thực để hội nhập vào thế giới hiện đại.

Đạo Phật có rất nhiều cách để cung cấp hiểu biết vào tâm trí chúng ta, và tự nó phát triển thông qua giáo dục. Với sự nhấn mạnh vào ‘những điều như chúng đang là’, đạo Phật cung cấp con đường, những phương tiện riêng lẻ lẫn tổng thể, và các điều kiện phát sinh là vô giá

trong thời buổi hỗn loạn toàn cầu. Bằng cách này, đạo Phật cho phép người trẻ làm việc bằng trí tuệ chứ không bằng kiến thức, và tìm thấy cách để làm việc hài hòa với nhau, đồng tạo ra tổ chức dựa trên lòng từ bi hơn là tham lam. Với động cơ mới, thiền định, nhấn mạnh vào phương tiện kỹ năng, Phật giáo cần phải tìm các hình thức mới để giúp đột phá thông qua sự thiếu hiểu biết và mở ra triển vọng mới trong việc học.

Vai trò của thiền Vipassana trong giáo dục: Chúng ta có thể hiểu làm thế nào Vipassana có thể lấp vào những khoảng trống quan trọng trong giáo dục hiện đại - tức, việc đào tạo tinh thần, dẫn đến cuộc sống cân bằng, hài hòa và có mục đích... Thiền Vipassanā truyền đạt cách để quan sát tất cả các hiện tượng thế giới. Lợi ích quan trọng của hệ thống thực hành, đặc biệt là chánh niệm hơi thở, có ý nghĩa rất quan trọng trong giáo dục, là cải thiện khả năng tập trung vào một nhiệm vụ của một người. Như đã giải thích trước đó, bản chất của việc thực hành là huấn luyện tâm trí giữ sự chú ý liên tục vào một đối tượng (viz., hơi thở), và giảm thiểu sự trôi lẩn của tâm thành mơ mộng vô ích, đó là những chướng ngại chủ yếu cho sự tập trung. Việc đào tạo quan sát trạng thái tinh thần cũng có ích. Một lần mơ mộng như vậy đã phát sinh (cho dù trong thiền định hoặc trong quá trình hoạt động bình thường), nếu một người thoáng chốc vọng tưởng quan sát đối tượng gần, năng lực mất tập trung của họ bỗng nhận ra và quyết liệt cắt giảm; họ liền nhanh chóng thoát khỏi vọng tưởng. Để đạt được mục tiêu này, yêu cầu chính là phát triển một cái nhìn sâu sắc vào các đặc điểm cơ bản của cuộc sống. Vô thường (anicca) là đặc tính cơ bản mà một hành giả Vipassanā liên tục phải đối mặt. Kinh nghiệm này ăn sâu và giải quyết các vấn đề khác - tức., Đau khổ (dukkha) và vô ngã (anattā) - tự động phát triển, dẫn đến sự hiểu biết rõ ràng về mục đích của cuộc sống và cách để đạt được nó - rất có ích cho việc giáo dục tinh thần.

Vai trò của Thiền Vipassana trong Sư phạm: Nó sẽ hiển nhiên từ mô tả ngắn gọn trước rằng thiền Vipassana là một kỹ thuật hoàn toàn khoa học, một nền văn hóa chung của tâm trí, nó không tán thành bất kỳ tín ngưỡng giáo phái, giáo điều hoặc nghi lễ. Nó phải được chấp nhận được như một phần của giáo dục. Lợi ích của nó đã được minh chứng qua hàng ngàn hành giả - cả trẻ và già thuộc đẳng cấp, tín ngưỡng, quốc gia và niềm tin tôn giáo khác nhau. Vivekananda mong

muốn phát triển nền “giáo dục thành người” Nó có thể được thực hiện bởi sự hội nhập của Vipassana vào giáo dục hiện đại. Đó là cao điểm khi một kế hoạch hành động trong lĩnh vực giáo dục được rút ra, ít nhất trên mô hình thử nghiệm, để khoa học xác nhận hiệu quả của thiền minh sát qua thời gian dài. Một số vấn đề quan trọng cần được giải quyết bao gồm:

1. Làm thế nào tạo động lực cho các sinh viên, giáo viên và quản lý các trường học, cao đẳng để giới thiệu Anapana và Vipassana, giảm sự phản đối của sinh viên, giáo viên không sẵn sàng tham gia?
2. Mức độ đào tạo cần thiết trước khi cho phép các nhân viên giáo dục dạy thiền trong các trường học và cao đẳng.
3. Định dạng và tối thiểu thời gian tổ chức trại trong nhà để khuyến khích sinh viên trẻ tập thiền định Anapana, để mắt đến các ràng buộc thực tế (đặc biệt là ở lại qua đêm).
4. Làm thế nào duy trì tính liên tục của thực hành trong lịch trình chặt chẽ của các trường học và trường cao đẳng?
5. Có nên lập một khóa học chính thức về thiền định trong chương trình giảng dạy của các trường học và trường cao đẳng?
6. Làm thế nào để đánh giá sức ảnh hưởng có lợi của thiền minh sát đối với giáo viên, học sinh và quá trình giảng dạy hay học tập?
7. Làm thế nào tích hợp Vipassana với các dịch vụ tư vấn sinh viên trong trường học và cao đẳng?

Một suy nghĩ về kế hoạch hành động đúng nếu thực hiện chân thành sẽ mở đường cho sự hình thành các tổ chức, có thể truyền đạt giáo dục thực sự toàn diện. Các tổ chức như vậy sẽ góp phần quan trọng để phát triển cá nhân lành mạnh và một xã hội hài hòa.

Những thách thức và cơ hội của Giáo dục Phật giáo hiện đại:

Giáo dục Phật giáo cho sự phát triển bền vững cho phép mỗi người có những kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để hình thành tương lai bền vững. Giáo dục phát triển bền vững có nghĩa là bao gồm cả các vấn đề phát triển bền vững quan trọng vào việc dạy và học, ví dụ như biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai, đa dạng sinh học, xoá đói giảm nghèo, tiêu thụ bền vững. Nó cũng đòi hỏi phương pháp giảng

dạy và học tập có sự tham gia thúc đẩy, trao quyền cho người học để thay đổi hành vi của họ. Do đó, Giáo dục phát triển bền vững thúc đẩy năng lực như tư duy phê phán, phác họa kịch bản trong tương lai và đưa ra quyết định cộng tác. Giáo dục phát triển bền vững đòi hỏi phải thay đổi sâu rộng trong cách giáo dục thường thực hành ngày nay. UNESCO là cơ quan LHQ trong Thập kỷ Giáo dục vì sự phát triển bền vững (2005-2014).

Khái niệm kinh tế hiện đại càng nhiều sản phẩm hàng hóa hơn sẽ làm cho mọi người hạnh phúc là nhằm lẫn. Nền kinh tế Phật Giáo dựa trên phương châm hạnh phúc và phúc lợi tối đa cho người dân (*bahujanahitāyabahujanasukhāya*)¹. Kinh tế Phật giáo không nhất thiết phải nhìn thấy chủ nghĩa hiện đại không giới hạn, và Tây phương hóa là hiện tượng tích cực vì nó chịu trách nhiệm về nhiều vấn đề lớn mà chúng ta phải đối mặt ngày nay. Một học giả Phật giáo hiện đại, đã chỉ ra rằng “hiện đại bị từ chối bởi vì nó được xem như một hình thức của cuộc sống, mà trong thời gian ngắn bóc lột cảnh quan và làm thiệt hại không thể khắc phục cho môi trường.”² Đó là, nghiệp quả đôi khi bắt kịp với mọi người thông qua môi trường của họ. Người ta nói rằng, nếu một vị vua và người dân hành động không chính xác, điều này có ảnh hưởng xấu đến môi trường và các vị thần, dẫn đến ít mưa, cây trồng nghèo và yếu, thọ mạng con người ngắn ngủi”³. Thông điệp này của *AggaññaSuttanta*, *DīghaNikāya*⁴ cũng ngụ ý mạnh mẽ, làm thế nào cho thiên nhiên bắt đầu trở nên phong phú, nhưng khi nó đã trở nên khan hiếm thì con người bắt đầu tham lam từ nó.

Trong cách tiếp cận như vậy, Phật giáo phát triển kinh tế và xã hội, tiêu chí quản lý hoạch định chính sách phải là hạnh phúc của toàn thể thành viên xã hội. Sản xuất phải phục vụ nhu cầu thực sự của người dân, không phải nhu cầu của hệ thống kinh tế. Trong hệ thống này, phát triển kinh tế sẽ được hướng dẫn bằng cách không tiêu thụ tối đa nhưng tiêu thụ lành mạnh và hợp lý, thúc đẩy hơn nữa đời sống con người. Phật giáo thúc đẩy phân bố rộng nhu cầu cơ bản để không ai

1. *Vinaya Piṭaka*.I.21.

2. Lancaster 1996: 1-2.

3. *Āṅguttara Nikāya*.II.74-76.

4. *Dīgha Nikāya*.III.80-98.

phải chịu thiếu thốn vì thiếu thốn là nguyên nhân gốc rễ của xung đột xã hội. Do đó, nói về nguyên nhân của xung đột xã hội, Đức Phật chỉ ra rằng, “hàng hóa không được ban cho, thì sự nghèo khó cơ cực lớn hoành hành, từ đói nghèo ngày càng tăng trộm cắp, từ sự lây lan trộm cắp mà bạo lực tăng trưởng, từ phát triển bạo lực thì sự tàn phá cuộc sống trở nên phổ biến”⁵. Tích trữ tài sản dưới mọi hình thức là hành động bị đánh giá thấp theo quan điểm Phật giáo⁶. Nếu một người giàu có hưởng thụ tất cả tài sản của mình bằng cách chỉ phục vụ chính mình, thì nó sẽ là nguồn gốc sự thất bại của anh ta⁷. Trên thực tế, niềm tự hào giàu có hay xem trọng kinh tế được đề cập trong Phật giáo là nguyên nhân của sụp đổ⁸. Theo Fromm, hệ thống hiện nay tạo ra thói tham lam, ích kỷ, trong đó thành công cá nhân được đánh giá cao hơn trách nhiệm xã hội.

Bằng cách chỉ ra sự theo đuổi thông thường của sự sang trọng và phong phú là căn nguyên của đau khổ, Phật giáo khuyến khích kiềm chế, đơn giản tự nguyện, và mãn nguyện. “Việc trau dồi và mở rộng nhu cầu là tương phản với trí tuệ. Đây cũng là sự tương phản của tự do và hòa bình. Mỗi nhu cầu gia tăng có xu hướng tăng sự phụ thuộc của một người vào các lực lượng bên ngoài mà người ta không thể kiểm soát, do đó làm tăng sự sợ hãi. Chỉ bằng cách giảm nhu cầu mới có thể thúc đẩy giảm những căng thẳng. Đó là nguyên nhân cuối cùng của xung đột và chiến tranh”⁹. Như vậy, kinh tế Phật giáo dựa trên lý tưởng ngăn gọn, tránh lãng phí, đơn giản, tự nguyện tức là, hiếm có ham muốn (*appicchata*), mà mãn nguyện (*santutthi*); mong muốn mở đường cho hòa bình và hạnh phúc. Mãn nguyện là tình trạng tinh thần của một người hài lòng với những gì ông ta có hoặc vị trí mà ông vẫn nhìn thấy chính mình (*santussamānoitaritarena*).¹⁰

Từ quan điểm Phật giáo, vấn đề kinh tế và đạo đức không thể tách rời nhau. Chỉ thỏa mãn nhu cầu kinh tế mà không phát triển tâm linh

5. *Dīgha Nikāya*.III.67.

6. *Āṅguttara Nikāya*.III.222

7. *Sutta-Nipāta*.v.102.

8. *Sutta-Nipāta*.v.104

9. Schumacher 1973: 20.

10. *Sutta-Nipāta*.v.42.

thì không bao giờ có thể dẫn đến sự thỏa mãn trong nhân dân. Cũng như nghèo đói là nguyên nhân của nhiều tội phạm, sự giàu có chịu trách nhiệm về những yếu kém của con người. Trong sự giàu có, xã hội tiêu dùng chỉ đơn thuần nhìn từ một điểm duy vật. Hơn nữa, sự giàu có phải kiếm được thông qua công bằng và đạo đức. Rộng lượng (bố thí) và xả (caga) luôn được liên kết với đức hạnh trong Phật giáo. Làm như vậy, trước tiên, thoát khỏi sự ích kỷ và hạn chế nhận hơn cho người khác, bởi vì “càng cho càng nhiều bạn”.¹¹ Nó không quá cần thiết để thực hành hạnh bố thí vì nguồn tài nguyên ít ỏi của một người cũng được xem như rất có giá trị.¹² Rộng lượng là một trong những phẩm chất quan trọng làm nên người đàn ông.¹³ Đức Phật so sánh người lương thiện tích lũy tài sản và chia sẻ với những người nghèo như người đàn ông có hai mắt, trong khi những người chỉ lo làm giàu mà không biết chia sẻ cũng giống như người một mắt.¹⁴ Do đó, để xây dựng xã hội lành mạnh, tính rộng rãi và rộng lượng rất được khuyến khích.

Những thách thức và cơ hội của Giáo dục Phật giáo ở châu Âu:

Phật giáo trở nên khá phổ biến và được truyền đến châu Âu. Hầu hết các quốc gia đều có số lượng lớn trung tâm Phật giáo, các chương trình nghiên cứu và thực hành, bao gồm nghiên cứu trực tuyến dạng văn bản, âm thanh, lời dạy video, đến các cơ sở trị bệnh, nhà xuất bản, các chương trình cho trẻ em, người già, ...vv. Phương pháp nghiên cứu và thực hành ở mức độ khác nhau trong hầu hết ngôn ngữ châu Âu. Các tổ chức Phật giáo hợp tác với nhau, và với hầu hết quốc gia có Giáo hội Phật giáo, cũng như Liên minh Phật giáo châu Âu để phối hợp nỗ lực.

Chúng ta không cần tìm kiếm tài liệu về mọi thứ đã phát triển qua nhiều thập kỷ, vì việc đó có thể nói đã được thực hiện trong tất cả khu vực này. Cho nên, hãy để tôi tập trung vào một số thách thức mà Phật

11. Sutta-Nipāta.187.

12. Samyutta Nikāya.I.18; Dhammapada.224.

13. *Āṅguttara Nikāya*.IV.218

14. *Āṅguttara Nikāya*. I.129-130.

giáo cần giải quyết trong những thập kỷ tới, đặc biệt ở châu Âu cũng như toàn thế giới. Hãy để tôi vạch ra cơ hội những thách thức này có mặt đối với sự phát triển của Phật giáo châu Âu thông qua việc sử dụng công nghệ Internet. Nhiều lời đề nghị cho rằng tôi cần dựa vào tính năng chúng ta đã phát triển để đáp ứng những thách thức này và tôi từng thực hiện trên trang web của tôi.¹⁵

Khối lượng lớn thông tin có sẵn: Với số lượng ngày càng tăng các bản dịch và giáo lý có sẵn trong sách hay trực tuyến, học sinh sẽ khó khăn trong việc đánh giá chúng. Đặc biệt là khó hiểu cho những người mới khi họ không biết bắt đầu từ đâu. Nếu vào trang Googles gõ “nghiệp” để tìm hiểu chủ đề Phật giáo, hàng triệu kết quả được đưa ra, phần lớn không liên quan gì đến Phật giáo cũng xuất hiện trên màn hình. Điều này gây khó khăn cho việc tìm thông tin đáng tin cậy thông qua công cụ tìm kiếm trực tuyến. Hơn nữa, tất cả các truyền thống Phật Giáo đều có sẵn và sinh viên thường học rất nhiều. Nó dẫn đến tình trạng lúng túng vì mọi thứ trộn lại với nhau mà không hiểu tính năng đặc biệt của từng truyền thống.

Những thách thức này tạo cơ hội cho các Giáo Hội Phật giáo ở từng vùng ngôn ngữ châu Âu chuẩn bị trang web và ứng dụng có chứa danh sách, sơ yếu lý lịch ngắn, các xuất bản và văn bản trực tuyến, âm thanh, video tài liệu Phật giáo trong ngôn ngữ của họ, cùng với giá bán của họ. Cần phải sắp xếp phân biệt chủ đề chung và cụ thể với các mức độ khó khăn, ví dụ kinh tantra, Mahamudra, cứu cánh, Nguyên Thủy, Thiền..., và trong kinh, ví dụ, nghiệp, bồ đề tâm, thanh tịnh tâm,.... Trang web có thể hoạt động như Wikipedia, được giám sát bởi nhân viên biên tập. Nhân viên kỹ thuật cũng có thể tạo ra công cụ tìm kiếm trực tuyến xác định vị trí từ khóa chỉ trong các trang web Phật giáo.

Số lượng lớn Trung tâm Phật Pháp: Tương tự, rất nhiều trung tâm Giáo Pháp từ nhiều truyền thống Phật giáo, không chỉ Tây Tạng, đều có sẵn ở các thành phố lớn của châu Âu. Nó cũng gây khó khăn cho những người mới tiếp cận. Nó sẽ trở nên hữu ích nếu Giáo hội Phật giáo ở mỗi nước cung cấp trực tuyến, trang web và hình thức ứng dụng, không chỉ một danh sách trung tâm Phật giáo tại quốc gia của họ, trang web có sẵn bằng ngôn ngữ của họ, mà còn những mô tả loại

15. www.berzinarchives.com.

chương trình cung cấp với chi phí riêng. Bởi vì chi phí ở nhiều trung tâm và trang web rất cao, tài liệu nghiên cứu Phật Pháp ngày càng trở nên đắt hơn. Mặc dù đã giảm chi phí cho những người không có khả năng thanh toán, nhưng phần lớn vẫn không đủ khả năng tận dụng các điều kiện được cung cấp. Họ cần được dễ dàng tìm thấy các chương trình miễn phí.

Phiên dịch giáo lý Phật giáo thành nhiều ngôn ngữ: Có lẽ thách thức lớn nhất mà hành giả Phật Giáo phải đối mặt là sự đa dạng các bản dịch được sử dụng trong mỗi ngôn ngữ với thuật từ Phật giáo riêng, chẳng hạn yeshes. Bởi vì điều này, hành giả không thể tổng hợp lại những gì họ đọc hay nghe từ các giảng viên và dịch giả khác nhau. Ngoài ra, khi hành giả gặp phải ngôn ngữ Phật giáo, chẳng hạn như “trí tuệ”, cũng không có định nghĩa nên họ thường hiểu lầm. Các chú giải và từ điển Tây Tạng hiện nay có sẵn trực tuyến được bố trí theo cách của người Tây Tạng và được thiết kế để cung cấp bản dịch về giáo lý riêng biệt. Nó cũng ít nhiều giúp ích cho hành giả Phật giáo, những người không biết về Tây Tạng.

Để đáp ứng thách thức này, giảng sư Phật giáo và dịch giả ngôn ngữ châu Âu cần cung cấp bằng văn bản hoạt động của họ bằng tiếng Tây Tạng và nếu có thể, là tiếng Phạn, cho các bài kinh lớn mà họ sử dụng. Họ phải cố gắng sử dụng những thuật ngữ chuyển dịch liên tục, đặc biệt khi thuyết trình. Họ cũng cần phải biên dịch chú giải các bài kinh, bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Phạn, kèm theo định nghĩa.

Qua những chú giải, một cơ sở dữ liệu trực tuyến khổng lồ các thuật ngữ và định nghĩa Phật học được định nghĩa bằng ngôn ngữ chính ở châu Âu và châu Á, cả hai đều có thể thực hiện trên trang web và ứng dụng miễn phí. Điều quan trọng là tất cả ngôn ngữ chính ở châu Âu được bao gồm trong cơ sở dữ liệu - Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Ý - người châu Âu có thể hiểu rõ hơn khi họ đọc kinh Phật bằng nhiều ngôn ngữ. Bằng cách liên kết dữ liệu từ bản dịch với bản gốc Tây Tạng, người sử dụng có thể gõ vào thuật ngữ mà họ đã đọc trên bản dịch này để tìm định nghĩa trên bản dịch khác. Như vậy, họ có thể tổng hợp những gì họ đọc trong các tác phẩm dịch và thảo luận điều tương tự.

Đa Ngôn ngữ: Mặc dù pháp niệm Phật, sadhana và lễ cúng dường

có sẵn trong hầu hết ngôn ngữ châu Âu, nhưng tài liệu nghiên cứu chuyên biệt lại chỉ dịch thành một hoặc hai ngôn ngữ. Thách thức là làm sao để các tài liệu nghiên cứu dịch thành tất cả ngôn ngữ chính ở châu Âu. Nếu mọi phiên bản ngôn ngữ có trên trang web trực tuyến, người đọc đa ngôn ngữ có thể chuyển đổi giữa các ngôn ngữ để hiểu rõ ràng hơn.

Hơn nữa, bằng cách cung cấp máy phiên dịch tự động, tài liệu âm thanh tiếp cận với máy nghe, những người mà ngôn ngữ đang nói là ngôn ngữ thứ hai có thể theo dõi dễ dàng hơn. Một lợi ích nữa của việc cung cấp máy dịch trực tuyến là người ta có thể tìm kiếm qua công cụ tìm kiếm trên mạng, trong khi các tập tin âm thanh và video thì không. Máy dịch trực tuyến còn đem đến lời thuyết giảng dành cho người khiếm thính và dễ dàng được dịch sang ngôn ngữ khác.

Hài hòa tôn giáo: Để thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo, Đức Đạt Lai Lạt Ma nhấn mạnh việc truyền đạt thông tin chính xác về mỗi truyền thống có sẵn cho người khác. Là lục địa đa ngôn ngữ đa tôn giáo với nhiều dân nhập cư từ Trung Đông và châu Á, châu Âu có thể dẫn đường trong việc thực hiện mục tiêu này. Chúng ta cần chuẩn bị nhiều bản dịch về hoạt động Phật giáo sang ngôn ngữ của các nước Hồi giáo và sang ngôn ngữ khu vực Đông Nam, các nước Đông Á, nơi mà truyền thống Phật giáo phát triển khác. Bản dịch cần bao gồm không chỉ văn bản kinh điển Ấn Độ và bình giải của Tây Tạng, mà còn là lời dạy của các bậc thầy hiện đại, vì nó dễ hiểu hơn cho người xem.

Nhưng khi chúng ta xem Phật giáo là một tôn giáo, về cơ bản nó được nghiên cứu theo hai cách: bên trong hoặc bên ngoài. Tôn giáo phi lịch sử, theo nghĩa châu Âu, những người không bắt nguồn từ văn hóa châu Âu mà lại theo truyền thống nghiên cứu bên ngoài - đó là khoa học, khách quan - không có sự tham gia của tình cảm hay cá nhân. Người châu Âu bắt đầu trở nên thích thú với [Đông] khoảng hai hoặc ba thế kỷ trước, nên nền văn hóa Đông trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học. Do đó, các trường đại học châu Âu đã phát triển truyền thống học bổng phương Đông, tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu kinh điển. Trong chừng mực những văn bản này là Phật giáo, chúng ta có thể nghiên cứu Phật giáo trong những tổ chức. Tuy nhiên, nghiên cứu dưới sự đánh giá của ngôn ngữ học hoặc ngữ văn, hoặc lịch sử tôn giáo, không thể được coi là ví dụ về giáo dục Phật giáo

trong ý nghĩa truyền thống - nghiên cứu kinh điển chỉ là một phần của việc đào tạo. Gần đây, dựa trên các nghiên cứu về nguồn Phật giáo khác nhau và phương pháp kết hợp giữa ngữ văn và nhân văn học, khoa học về Phật học phát triển, người ta hướng đến mục đích nghiên cứu Phật giáo trong bối cảnh lịch sử. Mặc dù các nghiên cứu này rất có thể nâng cao sự hiểu biết của chúng ta về Phật giáo, nhưng nó không vượt qua được phong cách học hỏi khách quan và vì thế một lần nữa, không thể phản ánh đúng mô tả như giáo dục Phật giáo. Phát triển cá nhân trong ý nghĩa tinh thần hay tâm linh, là mục tiêu cuối cùng của đào tạo truyền thống Phật giáo, rõ ràng ngoài phạm vi của học viện phương Tây, chúng ta không thể dự kiến sẽ tổ chức chương trình giáo dục Phật giáo.

Tiếp theo, lý do nó tồn tại. Đầu tiên, nền giáo dục Phật giáo đủ điều kiện ở châu Âu phải đáp ứng hai bộ tiêu chí khác nhau: một thiết lập bởi truyền thống Phật giáo và một, học bổng của phương Tây. Cả hai tiêu chí không dễ dàng đưa vào thành một. Nói chung, tiêu chuẩn phương Tây dựa trên các đo lường khách quan của người trí thức và kỹ năng trong khu vực nhất định, mà không có nhiều mối quan tâm cho phần thái độ người đó. Tuy nhiên, trong ý nghĩa Phật giáo, sự phát triển kỹ năng, hiểu biết đi đôi với tiến bộ cá nhân, đạo đức, định tâm - những kỹ năng tâm linh không dễ dàng đo lường. Nhưng quan trọng hơn, cam kết học tập đòi hỏi sự công bằng cho đối tượng nghiên cứu là điều trái ngược nổi bật với những gì được mong chờ ở một trường học Phật giáo truyền thống. Vì vậy, sự khác biệt cơ bản giữa hai bộ kỳ vọng dường như nằm trong hiểu biết của chúng ta về việc sử dụng kiến thức, đó là: những kiến thức tốt để làm gì - tại sao chúng ta nghiên cứu. Ở châu Âu, nó được thể hiện bởi một số nhà tư tưởng cận đại rằng kiến thức là sức mạnh, vì thế, đầu tiên, nó là phương tiện để kiểm soát và thao tác thế giới xung quanh, môi trường, lĩnh vực nghiên cứu của chúng ta. Ngoài ra, chúng tôi cũng xác định mình trong mối quan hệ với đối tượng đó. Học tập theo ý nghĩa Phật giáo là một cái gì đó hoàn toàn khác. Nó không thể được sử dụng để kiểm soát hay thao tác. (Hoàn toàn ngược lại, nó cho thấy sự vô ích của những mối quan tâm từ con người.)

Tất cả điều này cho thấy rằng Phật giáo không phù hợp với phương Tây và những kỳ vọng về tính kỷ luật tôn giáo hay khoa học. Sự khác biệt này giữa khoa học và tôn giáo là một di sản văn hóa châu Âu, có

thể được truy nguồn từ sự chia rẽ giữa lý trí và đức tin - như giáo điều Kitô giáo không phù hợp với những phát hiện quan sát khoa học. Phương pháp khoa học đã chứng minh nhiều hơn và nhiều hơn nữa thành công trong việc dự đoán hành vi các đối tượng trong thế giới tự nhiên, thể chế tôn giáo của sự hiểu biết dần mất uy tín hoặc chuyển thành thế giới siêu việt. Hai điều này dường như không có mối quan hệ với nhau. Nhị nguyên đặc trưng phương Tây được phản ánh trong khả năng tương thích tri thức giữa nghiên cứu khoa học khách quan và chủ quan kinh nghiệm tôn giáo.

Kết luận:

Tóm lại, Giáo dục Phật giáo rõ ràng thực tế là thử và thử nghiệm chương trình đào tạo toàn diện để áp dụng trong cuộc sống hàng ngày. Nó bao gồm phương pháp và kỹ năng cuộc sống giúp đỡ đáp ứng các vấn đề và thách thức, cũng như thực hiện tốt nhất cơ hội vô hạn mà cuộc sống cung cấp. Khi Phật giáo được xem như một tôn giáo, nó bị giảm xuống ở khía cạnh niềm tin, khi nó được chứng minh khoa học, nó có xu hướng tăng thêm khía cạnh đạo đức. Vì vậy, về mặt thể chế, thách thức đối với giáo dục Phật giáo ở châu Âu, trong thế kỷ 21, có vẻ là phát triển một khung thể chế, miễn trừ sự phân biệt học/tôn giáo. Chúng ta cũng nên đưa ra chương trình tránh nhấn mạnh một chiều hoặc trí tuệ hoặc đào tạo tinh thần, từ đó giúp khôi phục sự toàn vẹn của kinh nghiệm con người. Trong ý nghĩa này, giáo dục Phật giáo là chương trình giáo dục toàn diện, dựa trên thực tế và ứng dụng Pháp. Nó là một nghiên cứu học tập để đáp ứng sự hài lòng của người trí tuệ. Ngược lại, Giáo dục Phật giáo kêu gọi kiên quyết tự nỗ lực và tự cam kết không chỉ học mà còn khéo léo rèn luyện chính mình trong giáo lý Đức Phật. Như vậy, giáo dục Phật giáo tham gia tất cả các khoa của con người - cảm xúc nhiều như người trí tuệ và ý chí. Đây là một trong những thông điệp chính mà tôi muốn đặt ra, ở đây: chúng ta hãy cố gắng thoát khỏi sự nhị nguyên này. Về mặt tâm linh, thách thức chính của chúng ta có vẻ được khắc phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguồn chính:

The DīghaNikāya, Translated from the Pāliby Rhys Davids, *The Dialogues of the Buddha*, 3 vols, Delhi: MotilalBanarsidass, 2007 (reprints).

The MajjhimaNikāya, (Trans.) BhikkhuNāṇamoli, Bhikkhu Bodhi, *The Middle Length Discourses of the Buddha*, 3 vols, Boston: Wisdom Publications, 2009 (reprints).

The Saṃyutta-Nikāya, (Trans.) Bhikkhu Bodhi, *The Connected Discourses of the Buddha*, 5 vols, Boston: Wisdom Publications, 2000; (Trans.) Rhys Davids & F.L. Woodward, *The Book of the Kindred Sayings*, 5 vols, Delhi: MotilalBanarsidass, 2005 (reprints).

Āṅguttara-Nikāya, (Trans.) F.L. Woodward & E.M. Hare, *The Book of the Gradual Sayings*, 5 vols, Delhi: MotilalBanarsidass, 2006 (reprints).

The Dhammapada, (Trans.) F. Max Muller, *A Collection of Verses*, Delhi: MotilalBanarsidass Publishers, 1992.

The Udāna and Itivuttaka, John D. Ireland, Srilanka: Buddhist Publication Society, 1997.

The Visuddhimagga, (Trans.) BhikkhuNāṇamoli, *The Path of Purification*, Colombo, Ceylon: Published by R. Semage, 1956.

Nguồn thứ cấp:

BhikkhuNāṇamoli (trans.), *Mindfulness of Breathing – (Buddhist texts from the Pāli Canon and Extracts from the Pāli Commentaries)*, Buddhist Publication Society, 2010.

D.K. Barua, *An Analytical Study of Four Nikāyas*, New Delhi: MunshiramManoharlal, 2003.

BhikkhuBodhi (ed.), *In the Buddha's words An Anthology of Discourses from the Pāli Canon*, Boston: Wisdom Publication, 2005.

BhikkhuBodhi, *A Comprehensive Manual of Abhidhamma: The AbhidhammatthaSangaha of ĀcariyaAnuruddha*, Seattle, WA: BPS Pariyatti Editions, 2000.

BhikkhuNāṇamoli (trans.), *Mindfulness of Breathing – (Buddhist texts from the Pāli Canon and Extracts from the Pāli Commentaries)*,

- Buddhist Publication Society, 2010.*
- BhikkhuÑāṇamoli (trans.), Visuddhamagga, The Path of Purification, Buddhist Publication Society, Colombo, Srilanka.*
- BhikkhuÑāṇamoli (trans.), The Path of Discrimination (Patisambhidāmagga), Oxford: The Pāli Text Society, 1991.*
- Harcharn Singh Sobti (ed.), Vipassanā the Buddhist way (The Based on Pāli Sources), Delhi: Eastern Book Linkers, 2003.*
- U Ko Lay, Manual of Vipassana meditation, DhammaGiri, Igatpuri, Maharashtra, 2010.*
- C.Alexander Simpkins & Annellen M. Simpkins, Zen Meditation in Psychotherapy, Techniques for Clinical Practice, Canada: John Wiley, 2012.*
- Mark Epstein, M.D., Psychotherapy without the Self - A Buddhist Perspective, London: Yale University Press New Haven, 2007.*
- K. Khao-suan-luang, Reading the mind, Buddha Dhamma education association Inc.*
- Soma Thera, The way of Mindfulness the SatipatthanaSutta and Its Commentary, 1998.*
- Nyanaponika, Thera, The power of mindfulness, San Francisco: Unity Press, 1972.*
- Bobrow, J., Moment of truth—truths of moments, In Safran, J. D. (ed.). Psychoanalysis and Buddhism: An unfolding dialogue, Boston: Wisdom Publications, 2003.*
- Oldenberg, H., Buddha his life, His Doctrine, His Order, Delhi: MotilalBanarsidass, 1997.*
- Rahula, W., What the Buddha Taught, London: Gordon Fraser, 1978.*
- A.C. Taylor (Ed) Patisambhimagga, Pali Text Society, Vol. 1905, Vol. II, 1907.*
- Ambassador DatoDr.G.K.AnandaKumaraser, Buddhist education and pedagogy Challenges and Opportunities Presented in UNDV Conference.*
- C.A.F.RhysDavids (trs) Buddhist Psychological Ethics (Translations of Dhammasangani) Pali Text Society, 1974 (3rd Edition).*

D.D. Kosambi (Ed) Visuddhimagga, Bhartya Bhavan, Bombay, 1940.

Edward Conze, Buddhist Meditation, Harper Torch Books, New York, 1956.

Erich Fromm, The Art of Loving, Harper Paper Planning classical publications,

F.L. Woodward (trs) The Kindered Sayings (Translation of Samyutta Nikaya) Pali Text Society, 1979.

Lancaster Pamphlets Series on "The Environmental and International Relations" ed. John Volger & Mark Imber, Routledge, London: 1996.

Report of Education Commission (1964-66): Education and National Development, Ministry of Education, Govt. of India, 1966.

Schumacher, E. F., Small is Beautiful: Economics as if People Mattered, London: Hartley and Marks, 1999.

Venerable Nyanaponika Thera., The Heart of Buddhist Meditation, Rider, London 1962.

UNESCO Education Report, 2010.